THÌ HIỆN TẠI ĐƠN
(The simple present tense)

II. CÁCH DÙNG VÀ DẤU HIỆU

*** Cách dùng:**

- Thì hiện tại đơn dùng đơn diễn tả một hành động xảy ra thường xuyên, liên tục ở hiện tại hoặc một sự thật hiển nhiên đúng, hay một quy luật không bao giờ thay đổi.

*** Dấu hiệu**

+ Usually: luôn luôn + Always: luôn + Often: thường
+ Sometimes: thỉnh thoảng + Never: không bao giờ
+ Every…: hàng, mọi…(Sau nó là những từ như:day, week, year, …)

III. Exercise

*** Write the correct form of the verbs in the parentheses.**

1. I (be) at home tomorrow. …….
2. She (go) fishing next Monday. …….
3. We (have) a party next Sunday. ……..
4. They (build) a new school here. …….
5. I (buy) a new computer next year. …….
6. He (make) some cakes tomorrow …….
7. Mo (repaint) her house next week. …….
8. They (sell) their house next month. …….
9. My father (not go) to work tomorrow. ……..
10. Nam (not study) Math next week. ……..
11. We (produce) five million champanges in France next year. …….
12. Mo (meet) you tomorrow? …….
13. You (be) 15 on your next birthday? …….
14. He (go) to the market tomorrow? …….
15. What you (do) tomorrow? ……
16. What they (have) for lunch next Sunday? …….
17. Where your friends (visit) next month? …….
18. How your father (travel) to work tomorrow? …….
19. Who she (go) with on her next vacation? ……..
20. When she (come) we (go) ……..
21. After Peter (do) his homework he (play) soccer. …….
22. I (do) my homework as soon as I (have) dinner. …….
23. Your parents usually (help) you with your homework? …….
24. He (do) the housework everyday? …….
25. She sometimes (go) fishing? …….
26. What the workers of your factory often (do) on Sunday? …….
27. Where she usually (go) on Monday? …….
28. What Nam often (have) for breakfast? …….
29. How your mother (go) to work everyday? ……..
30. She (have) bread and milk for breakfast everyday. …….
31. Who often (meet) you at school? ……..

LIVEWORKSHEETS

IV. Cách phát âm của "s" và " es" sau một từ

* /S/ được phát âm là /S / khi nó sau những từ có tận cùng là: / t,te,k,ke,p,pe,f,fe,gh,ph,th/. Tóm lại sau 5 âm / p,f,t,k,θ/ thì tận cùng là "s" hay "es" đều được đọc là /s/. Chú ý " th" phải được phát âm là / θ/, f,fe,gh,ph được phát âm là /f/

* /ES/ được phát âm là: /IZ/ khi nó sau những từ có tận cùng là: / ch,sh,s,ss,ce,ge,se,x/

* /S/ được phát âm là /Z/ khi nó sau những từ có tận cùng là những chữ còn lại.

VI.Choose the word whose part is pronounced differently from the other in each group.

1. a. cooks	b. stops	c. wants	d. travels
2. a. listens	b. repairs	c. begins	d. likes
3. a. likes	b. hates	c. washes	d. hopes
4. a. books	b. tables	c. computers	d. classrooms
5. a. cars	b. keeps	c. rulers	d. computers
6. a. sits	b. drinks	c. needs	d. drops
7. a hates	b. destroys	c. repairs	d. comes
8. a. links	b. paints	c. sleeps	d. arrives
9. a.classes	b. boxes	c. sentences	d.kites
10. a. reaches	b. fixes	c. washes	d. hates
11. a. pictures	b. chairs	c. smokes	d. sees
12. a. changes	b. misses	c. writes	d. watches
13. a. sends	b. laughs	c. cooks	d. foots
14. a. prevents	b. kitchens	c. dogs	d. goes
15. a. doctors	b. pilots	c. students	d.maps
16. a. walks	b. invites	c. lives	d. hopes
17. a. six	b. sugar	c. suit	d. sun
18. a. links	b. leads	c. waits	d. laughs
19. a. sings	b. polites	c. comes	d. earns
20. a. months	b. takes	c. calls	d. suggests

LIVEWORKSHEETS